

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ T  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11-11-2021

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Sơn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Anh Dũng;

Ông Trần Thiện Lộc.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Bà Bô Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 58/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Phương T, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 1, khu phố 3, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lâm Quang L, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 1, khu phố 3, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 3 năm 2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Phương T trình bày:*

Bà Phạm Thị Phương T và ông Lâm Quang L tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2013. Bà T và ông L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường (trước đây là thị trấn) U, thị xã T, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 68/2013, quyển số 02 ngày 27-09-2013. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông L. Về con chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn với bị đơn ông Lâm Quang L. Bị đơn ông Lâm Quang L vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ và tổng đạt văn bản tố tụng được Tòa án thực hiện đúng quy định. Tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Phạm Thị Phương T và ông Lâm Quang L tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân của bà T và ông L đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Bà T yêu cầu ly hôn ông L là có căn cứ. Về con chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Phương T yêu cầu ly hôn với ông Lâm Quang L là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Lâm Quang L có địa chỉ thường trú tại tổ 1, khu phố 3, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn ông Lâm Quang L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ và triệu tập ông L tham gia các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa nhưng ông L vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án mà không có lý do chính đáng, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Phương T và ông Lâm Quang L tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2013. Bà T và ông L đăng ký kết hôn tại UBND phường (trước đây là thị trấn) U, thị xã T, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 68/2013, quyền số 02 ngày 27-09-2013 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Bà T và ông L đã không còn chung sống với nhau từ năm 2020, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, vợ chồng không thể tự hòa giải, thỏa thuận được, bà T kiên quyết ly hôn với ông L. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ cho bà T và ông L nhưng ông L không đến Tòa án thể hiện việc không muốn hòa giải, đoàn tụ với bà T. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông L đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T yêu cầu ly hôn với ông L là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông L không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: Bà Phạm Thị Phương T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ: Điều 28, 35, 39, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ: Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Phương T đối với ông Lâm Quang L về việc tranh chấp ly hôn, như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Phương T được ly hôn với ông Lâm Quang L.
2. Về con chung: Không có.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.
4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Phương T phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng

án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0052281 ngày 22-3-2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01) ;
- VKSND thị xã T (01) ;
- Chi cục THADS thị xã T (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu VT, HS (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Sơn**